TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TÂY NINH** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 33/2026/DS-ST
Ngày: 16/3/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dững

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2025/TLST-DS ngày 20/10/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-DS ngày 29/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-DS ngày 14/01/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 14/2026/QĐST- DS ngày 30/01/2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2026/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1);

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Anh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ(Theo Quyết định ủy quyền số 1182/2025/QĐ-PC ngày 15/4/2025).

2,6Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh T1 – Chức vụ: Chuyên viên Khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2025).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: C, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long AnĐịa chỉ hiện nay: 36 ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/7/2025 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Vào ngày 27/6/2022, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H, loại thẻ tín dụng: nội địa JCB Classic với hạn mức được Ngân hàng phê duyệt là 50.000., lãi suất 31,2%/năm.

Tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/6/2021 của Ngân hàng, giữa Ngân hàng và bà H đã thỏa thuận về cách tính lãi (Điều 22); Các khoản phí liên quan đến thẻ (Điều 25); Bà H còn phải có nghĩa vụ theo dõi tổng dư nợ không để vượt hạn mức đã được phê duyệt, chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả giao dịch và tiền phí do vượt hạn mức (Điều 16).

Trường hợp bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì toàn bộ dư nợ trở thành nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Căn cứ trách nhiệm thanh toán và theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bà H không thanh toán đúng thỏa thuận nên vào ngày 15/5/2025, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) theo quy định tại Điều 1 và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bà H nhưng bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn là đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Ngọc H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2026 là 82.855.. Trong đó: nợ gốc là 56.622.041 đồng, lãi trong hạn: 17.488.787 đồng, lãi quá hạn với số tiền là 8.744.393 đồng và yêu cầu bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H đã được đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa trong thời hạn luật định nhưng vắng mặt không có lý do và bà H cũng không có văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho cá nhân bà Phạm Thị Ngọc H nên Ngân hàng chỉ khởi kiện cá nhân bà H yêu cầu trả tiền vay chưa thanh toán. Do bà H đã Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không có mặt nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án không triệu tập các đương sự hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/6/2022; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, Giấy ủy quyền ngày 08/7/2025, Quyết định ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 1182/2025/QĐ/PC ngày 15/4/2025; Bản tự khai ngày 16/3/2026; Tóm tắt sao kê của bà Phạm Thị Ngọc H các ngày 26/12/2025 và 16/3/2026; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa ngày 26/12/2025; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 26/12/2025; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/12/2025.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T2 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn hàng TMCP S (Ngân hàng) trình bày: Ngày 27/6/2022, nguyên đơn Ngân hàng ký kết 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H, hạn

mức 50.000.000 đồng, lãi suất 31.2%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng nên toàn bộ khoản cấp tín dụng trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân đã lần đôn đốc, làm việc nhưng bà H vẫn chưa thanh khoản nợ. Tạm tính đến ngày 07/7/2025, bà Phạm Thị Ngọc H còn nợ Ngân hàng số tiền 63.121.605 đồng (nợ gốc là 56.622.041 đồng, lãi quá hạn 6.499.564 đồng). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu Tòa án:

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc H thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày 07/7/2025 là 63.121.605 đồng (nợ gốc là 56.622.041 đồng, lãi quá hạn 6.499.564)

- Yêu cầu tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đến khi bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, việc ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa các bên là đúng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật sự, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và trách nhiệm hành vi dân sự. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tuy nhiên bị đơn đã vì phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận và hiện còn nợ của nguyên đơn số tiền tạm tỉnh đến ngày 16/3/2026 là 82.855.. Trong đó: nợ gốc là 56.622.041 đồng, lãi trong hạn: 17.488.787 đồng, lãi quá hạn với số tiền là 8.744.393 đồng nên ngân hàng có quyền thu hồi nợ theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị trả số tiền còn nợ là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết nên có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày bị đơn thanh tóan toàn bộ số tiền còn nợ, xét thấy hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, nên đề nghị tiếp tục tính lãi của ngân hàng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật sự, Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào: "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 và bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" do bà H ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Nội dung các tài liệu này thể hiện các điều khoản thỏa thuận giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị Ngọc H về việc bà H đề nghị Ngân hàng cấp cho bà thẻ tín dụng với Điều đích tiêu dùng cá nhân đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng với

Ngân hàng bà H cung cấp thông tin cư trú của bà tại số C, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An hiện nay là số 36 ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 5, 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 được bà Phạm Thị Ngọc H ký kết và được Ngân hàng phê duyệt, xác định giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là Bộ luật sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Xét hình thức, nội dung của "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022: đây là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị Ngọc H. Tại Điều chữ ký và họ tên chủ thẻ chính của "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 có chữ ký, chữ viết họ và tên của bà H, bà cam kết hiểu rõ Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng trước khi ký; Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có hình thức phù hợp theo quy định tại các Điều 401,402, 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Tại thời điểm giao kết, bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật do đó bà H phải có nghĩa vụ thực hiện các theo cam kết quy định tạibản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" như: Thời hạn thanh toán (Điều 19), trách nhiệm thanh toán của thẻ (Điều 18), thanh toán đối với tất cả giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt hạn mức (Điều 17), thanh toán tiền lãi (Điều 23), thanh toán các khoản phí liên quan đến thẻ (Điều 25)

Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê của bà Phạm Thị Ngọc H do Ngân hàng cung cấp bà H đã thực hiện giao dịch đến ngày 15/12/2024 thì không tiếp tục thanh toán với số tiền dư nợ tính đến ngày 15/5/2025 là 56.622.041đồng nên Ngân hàng đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng thỏa thuận tại Điều 24 như sau: "v*iệc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ tại thông báo giao dịch hiện tại cho đến kỳ thông báo giao dịch theo sẽ tạo nên sự vi phạm Hợp đồng. ...Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ...*"

Sau khi Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 56.622.041 đồng sang nợ quá hạn vào ngày 15/5/2025 cho đến nay nhưng bà H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ hoàn trả của bên vay đã được thỏa thuận tại các Điều 18, Điều 19, Điều 20 tại "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" và các quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng khởi kiện bà H để thu hồi số tiền nợ gốc là 56.622.041 đồng là có căn cứ.

[5.2] Đối với yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi: Như phân tích ở trên, lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận tại tiểu Điều 1.24 Điều 1 và Điều 24 của "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại và tại thời điểm chuyển nợ quá hạn lãi suất thẻ tín dụng nội địa theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam là 2,6%/tháng. Do đó, ngân hàng áp dụng cách tính lãi và lãi nợ quá hạn là đúng quy định. Đồng thời, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 17/3/2026 cho đến khi thanh toán xong hết nợ tại là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Ngoài ra, tại mục các loại phí, cụ thể tại Điều 25 của "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng", các đương sự còn có các thỏa thuận đối với các loại phí liên quan đến thẻ tín dụng như: Phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí vượt hạn hợp với quy định tại Điều 5 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2021 của Ngân hàng N2. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí liên quan đến thẻ tín dụng còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.4] Bà Phạm Thị Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án trong đó thể hiện yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà H vẫn không đến Tòa án, không gửi văn bản để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng là tự từ bỏ quyền phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Phạm Thị Ngọc H về việc đòi nợ vay. Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ tính đến ngày 16/3/2026 là 82.855.221 đồng (trong đó nợ gốc là 56.622.041

đồng, lãi quá hạn là 8.744.393 đồng, lãi trong hạn là 17.488.787 đồng). Đồng thời, buộc bà Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 và bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147, các Điều 188, 147, 227, 228, 235, 266, 264, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 401,402, 405, 463, 466 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

Buộc bà Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2026 là 82.855.221 đồng (trong đó nợ gốc là 56.622., lãi trong hạn là 17.488.787 đồng, lãi quá hạn là 8.744.393đồng).

Kể từ ngày 17/3/2026, bà Phạm Thị N1 phải chịu lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S2 theo thỏa thuận tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 27/6/2022 và bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.142. (*Bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng*).

2.2. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.578.040đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008005 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thành Nam